

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:***

Bà: Lâm Thị Chức.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Lê Đình Cóong

Bà: Điều Thị Hương

***-Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐ-ST –HNGĐ, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Trịnh Thị Tr, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp Tân Phước, xã Phước Thiện, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – Có mặt .

***Bị đơn:*** anh Vũ Thanh T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp Tân Phước, xã Phước Thiện, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: thôn 01, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh Gia Lai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 09 tháng 3 năm 2022, biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị Tr trình bày:

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Tr và anh Vũ Thanh T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/11/2003. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Hiện tại chị Tr và anh T đã sống ly thân với

nhau từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, tình cảm của chị với anh T đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Tr làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Chị Tr trình bày: Vợ chồng chị và anh T có 02 (hai) con chung chưa thành niên tên: Vũ Trinh Phương M, sinh ngày 12/9/2004 và Vũ Trinh Phương B, sinh ngày 03/5/2010. Hiện tại các con chung đang sống chung với chị Tr kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày: Anh T và chị Tr trong quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sống không hạnh phúc. Anh T thống nhất ly hôn với chị Tr, đồng ý giao 02 (hai) con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Do làm ăn ở xa nên anh T yêu cầu được giải quyết vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì anh T yêu cầu vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trịnh Thị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Vũ Thanh T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và xin từ chối nhận các văn bản tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Tr về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” đối với bị đơn anh Vũ Thanh T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr thuộc trường hợp “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Vũ Thanh T có địa chỉ tại ấp Tân Hưng, xã Phước Thiện, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Thanh T đã trình bày đầy đủ ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Tr và anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Tr và anh Vũ Thanh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/11/2003. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Tr, anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã trong cuộc sống hằng ngày, nguyên nhân là chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không nhường nhịn nhau. Hiện tại chị Tr và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 08/4/2022, của Tòa án nhân dân huyện B Đ tại địa phương nơi chị Tr, anh T sinh sống được biết: Giữa chị Tr, anh T có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, chị Tr và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Tr trình bày: Chị Tr xét thấy chị không còn tình cảm với anh T nữa và tại bản tự ghi lời khai của anh T đề ngày 01/4/2022 anh T cũng có nguyện vọng đồng ý ly hôn chị Tr. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Tr đối với anh Vũ Thanh T là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị Tr, anh T có với nhau 02 (hai) con chung tên Vũ Trịnh Phương M, sinh ngày 12/9/2004 và Vũ Trịnh Phương B, sinh ngày 03/5/2010. Hiện nay các con chung đang sống ổn định cùng với chị Tr kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Tại bản tự ghi lời khai của hai cháu M và B đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ cho đến khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình và để đảm bảo cho cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ em vị thành niên.

Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao các con chung chưa thành niên là Vũ Trịnh Phương M, sinh ngày 12/9/2004 và Vũ Trịnh Phương B, sinh ngày 03/5/2010 cho chị Trịnh Thị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trịnh Thị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có; Chị Trịnh Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trịnh Thị Tr phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn chị Trịnh Thị Tr đối với bị đơn anh Vũ Thanh T.

[1]. *Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Tr được ly hôn với anh Vũ Thanh T.

[2]. *Về con chung*: Giao 02 (hai) con chung chưa thành niên là cháu Vũ Trịnh Phương M, sinh ngày 12/9/2004 và cháu Vũ Trịnh Phương B, sinh ngày 03/5/2010 cho chị Trịnh Thị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trịnh Thị Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tiền số 0017576 ngày 22/3/2022.

[5]. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- Dương sự;
- UBND xã H Ph;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lâm Thị Chúc**